

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/DS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2019.

“V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm
phạm và đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Châu;

Bà Huỳnh Thị Kim Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Đỗ Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B (T); Cư trú: Số 19, ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- Bị đơn:

+ Bà Lâm Thị Mộng T (Y), (vắng mặt);

+ Bà Lê Thị T (T), (có mặt);

Cùng cư trú: Ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (T) trình bày:

Vào ngày 12/8/2018 thì giữa gia đình bà B với ông Mai Văn T, ngụ tại ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T có xảy ra mâu thuẫn với nhau về

việc tranh chấp đất đai, thì lúc này các bên có cãi vã, lời qua tiếng lại rồi gia đình của bà B bỏ vào nhà.

Sau khi bà B và chồng bà B là ông N bỏ vào nhà thì vào khoảng 15 giờ cùng ngày phía gia đình ông T gồm: Ông Mai Văn P và bà Lâm Thị Mộng T (là vợ ông T), ông Mai Văn T, ông Mai Văn T, bà Lê Thị T, cùng ngụ tại ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T cầm cây đến nhà bà B để đánh ông K vì nghe nói ông K đã đánh ông T, thấy ông K bị đánh nên bà B có chạy đến để can ngăn thì lúc này bà T dùng tay nắm tóc giật mạnh làm bà B ngã xuống đất rồi sau đó bà T và Lê Thị T đánh tới tấp vào đầu, ngực và lưng của bà B và làm cả người bà B đau nhức và khó thở phải đến bệnh viện để điều trị, đồng thời trong lúc xô xát thì bà B bị bà T và bà T giật đứt 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24K, bà B không hiểu vì sao mà bà T với bà T lại đánh bà B như vậy, vì trước giờ bà B với bà T và bà T không có mâu thuẫn gì với nhau.

Sự việc xảy ra thì bà B có trình báo đến Công an xã Hưng P, thì phía Công an có xuống hiện trường lập biên bản sự việc và thu giữ 1,3 chỉ vàng và sổ vàng của bà B bị giật mất khoảng 4,6 chỉ đến nay chưa tìm lại được. Sau đó phía Công an có mời bà T với bà T và những người liên quan lên để làm việc, tại cơ quan Công an bà B có yêu cầu bà T và bà T phải bồi thường cho bà B về chi phí điều trị, tiền thuốc và sổ vàng của bà B bị mất nhưng bà T và bà T không đồng ý bồi thường cho bà B. Chi phí điều trị và đi lại của bà B là 3.794.000 đồng (Ba triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú giải quyết buộc bà Lâm Thị Mộng T (Y) và bà Lê Thị T phải bồi thường tiền điều trị, tiền thuốc và chi phí đi lại là 2.444.000 đồng (tiền thuốc) + 600.000 đồng (tiền tàu xe) = 3.044.000 đồng (Ba triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và ngày công lao động nằm viện điều trị 05 ngày x 150.000 đồng/ngày = 750.000 đồng và buộc bà Lâm Thị Mộng T (Y) và bà Lê Thị T phải bồi thường cho bà B sổ vàng bị mất là 4,6 chỉ (bốn chỉ, sáu phân) vàng 24K, tương đương khoảng 17.020.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị Mộng T (Y) trình bày:

Bà T thừa nhận thời điểm xảy ra sự việc thì bà T có nắm đầu bà B, sau đó hai bên xảy ra xô xát. Bà T không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà B, bởi vì gia đình bên chồng của bà B đánh chồng của bà T (ông Mai Văn T) nên bà T mới đánh bà B. Bà T không liên quan đến sợi dây chuyền mà bà B bị mất. Trong quá trình xảy ra xô xát bà T bị thương tích nhẹ, nhưng bà T không yêu cầu bà B bồi thường cho bà T.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Tiếng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Ba, lý do bà Tiếng không có đánh bà Ba, cũng không biết gì liên quan đến sợi dây chuyền bà Ba bị mất. Bà Tiếng không đồng ý bồi thường.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn bà T tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bà T chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà T (Y) bồi thường cho nguyên đơn chi phí điều trị do bị đơn gây ra. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn bồi thường số vàng bị mất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn bà Lâm Thị Mộng T (Y) đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lâm Thị Mộng T (Y).

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm và đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 và 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú ấp Phương B, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm và đòi lại tài sản do các bị đơn gây ra cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm và đòi lại tài sản.

[4] Bà T (Y) thừa nhận có xảy ra xô xát và nắm đầu bà B (T), bà B cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định sức khỏe của bà B là do bà T gây ra là sự thật.

[5] Xét yêu cầu của bà B về việc yêu cầu các bị đơn liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà B yêu cầu bà T liên đới cùng bà T bồi thường nhưng bà T không thừa nhận, thương tích của bà B là do bà T gây ra, bà T chỉ là người can ngăn không cho bà T và bà B ẩu đả với nhau, bà T không có đánh bà B (BL 11). Bà T thừa nhận khi xảy ra xô xát với nhau bà T có nắm đầu bà B vết thương của bà B là do bà T gây ra lời khai này phù hợp với lời khai tại Công an xã Hưng Phú (BL 16). Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”, lời trình bày của bà B là từ một phía, ngoài lời trình bày của bà B ra không

còn chứng cứ nào để chứng minh bà T có tham gia cùng bà T đánh bà B. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh thương tích của bà B là do bà T gây ra, cho nên bà B yêu bà T liên đới bồi thường là không có căn cứ.

[6] Bà T thừa nhận vào ngày 12/8/2018 giữa bà T và bà B có ẩu đả, bà B bị thương tích, nhưng bà T không đồng ý bồi thường, lý do gia đình bên chồng bà B đánh chồng bà T (ông Mai Văn T) nên bà T mới đánh bà B. Xét thấy, tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự quy định: *“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường”*. Tại tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm: *“Tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu...”*. Theo các đơn thuốc do bà B cung cấp cho Tòa án thì có 02 đơn thuốc không hợp lệ, 01 đơn thuốc ngày 24/8/2018 không có ghi số tiền, còn 01 đơn thuốc ngày 15/8/2018 không có tên người mua hàng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 và tại phiên tòa hôm nay bà B trình bày do 02 đơn thuốc không hợp lệ nên bà B cũng không có yêu cầu. Căn cứ quy định này bà T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà B các khoản chi phí hợp lý trong thời gian điều trị. Tiền chi phí điều trị (02 hóa đơn bán hàng, 01 đơn thuốc): số tiền là 1.131.115 đồng và tiền xe đi về là 600.000 đồng; ngày công lao động 05 ngày x 150.000.000 đồng = 750.000 đồng. Tổng cộng là 2.481.115 đồng. Căn cứ quy định trên thì bị đơn bà T có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn, cho nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của bà B về việc yêu cầu các bị đơn liên đới trả lại vàng bị mất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi bà B và bà T ẩu đả với nhau thì bà B cũng không phát hiện là bà B mất dây chuyền, sau khi sự việc kết thúc thì bà B mới phát hiện bà B mất dây chuyền và có tìm kiếm thì phát hiện tại nơi ẩu đả có 02 đoạn dây chuyền: Đoạn thứ nhất có chiều dài 13cm, đoạn thứ hai có chiều dài 09cm và kiểm tra có trọng lượng là 01 chỉ 03 phân 02 ly (một chỉ, ba phân, hai ly). Tại biên bản ghi lời khai của Công an xã Hưng P ngày 27/8/2018 bà B khai là bà B nghi bà T giật dây chuyền của bà B (BL 10), nhưng tại đơn khởi kiện bà B cho rằng: Lúc xô xát bà B bị bà T và bà T giật đứt 01 sợi dây chuyền và yêu cầu các bị đơn liên đới bồi thường. Tại biên bản tiếp nhận thông tin về tội phạm ngày 12/8/2018 của Công an xã Hưng P thì bà B là người tố giác, báo tin về tội phạm (BL 01), nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà B trình bày là Công an xã Hưng P có mặt tại hiện trường ngay hôm xảy ra sự việc. Theo biên bản giải quyết vụ việc ngày 05/9/2018 của Công an xã Hưng P (BL 09) thì bà B chỉ yêu cầu tiền thuốc điều trị, tiền viện phí và hỗ trợ lại ngày công lao động trong quá trình điều trị do bà T đánh, bà B không có yêu cầu bà T bồi thường cũng không có yêu cầu đòi lại tài sản. Tại đơn xin xác nhận của bà B vào ngày 16/9/2019 tiệm vàng Hai K xác nhận và phiếu tiệm vàng Hai K ghi bán vàng là chỉ xác nhận cho bà B có mua vàng tại tiệm vàng Hai K, chứ không phải chứng minh trong lúc hai bên ẩu đả với nhau bà B có mang dây chuyền mua tại tiệm vàng Hai K. Các lời khai của bà B có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm không

thống nhất với nhau. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn.

[8] Bị đơn bà T trình bày, bị đơn và nguyên đơn xảy ra xô xát, bị đơn cũng bị thương tích nhẹ, nên không có yêu cầu bồi thường. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể số tiền án phí sơ thẩm bà B phải chịu là 4,6 (4 phẩy 6) chỉ vàng 24K x 4.120.000 đồng/chỉ = 18.952.000 đồng x 5% = 947.600 đồng. Bị đơn bà T (Y) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 và 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 584 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (T), về việc yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm và đòi lại tài sản. Buộc bị đơn bà Lâm Thị Mộng T (Y) có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn tổng cộng là 2.481.115 đồng (Hai triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, một trăm mười lăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đòi lại tài sản là 4,6 chỉ vàng 24K.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà T chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn bà T còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 947.600 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 425.500 đồng, theo biên lai số 0009169 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà B còn phải nộp thêm 522.100 đồng (Năm trăm hai mươi hai nghìn, một trăm đồng).

- Bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Bị đơn bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn bà Tiếng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà T (Y) thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh